



Original Article

Financial planning for the approaching retirement: The case of Vietnam

Tran Tuan Vinh, Khuc The Anh*

National Economics University

No. 207 Giai Phong Road, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam

Received: March 10, 2024

Revised: April 3, 2024; Accepted: October 25, 2024

Abstract: This study evaluates the impact of financial literacy (comprising financial knowledge and financial behavior) along with demographic factors on the financial planning of individuals approaching retirement. In-depth interviews were used to assess theoretical influencing factors, as well as to calibrate the questionnaire and scales. A total of 1,012 valid responses were obtained (conducted through a market research company), and were processed using SPSS 26 and AMOS 25 software.. Both “financial knowledge” and “financial behavior” showed positive correlations. Except for gender, demographic factors including age, occupation, and education level all influenced the financial planning of approaching retirement. Relying on the findings, we proposed several policy implications through programs and recommended policies to relevant agencies.

Keywords: Financial literacy, financial planning, financial knowledge, financial behavior, retirement.

* Corresponding author

E-mail address: anhkt@neu.edu.vn

<https://doi.org/10.57110/vnu-jeb.v4i5.315>

Copyright © 2024 The author(s)

Licensing: This article is published under a CC BY-NC 4.0 license.

Lập kế hoạch tài chính của người sắp nghỉ hưu: Trường hợp nghiên cứu tại Việt Nam

Trần Tuấn Vinh, Khúc Thế Anh*

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Số 207 Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 10 tháng 3 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 3 tháng 4 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 10 năm 2024

Tóm tắt: Nghiên cứu này đánh giá ảnh hưởng của dân trí tài chính (gồm kiến thức tài chính và hành vi tài chính) cùng với các yếu tố nhân khẩu học đối với hoạt động lập kế hoạch tài chính của nhóm đối tượng sắp nghỉ hưu. Phỏng vấn sâu được sử dụng để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng về mặt lý thuyết, cũng như hiệu chỉnh bằng hồi và thang đo. Tổng số câu trả lời hợp lệ là 1.012 câu (thực hiện thông qua công ty nghiên cứu thị trường), được xử lý bằng phần mềm SPSS 26 và AMOS 25. Kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố kiến thức tài chính và hành vi tài chính đều có tương quan dương. Ngoài trừ giới tính, các yếu tố nhân khẩu học gồm tuổi, nghề nghiệp và học vấn đều có tác động đến hoạt động lập kế hoạch tài chính của người sắp nghỉ hưu. Từ đó, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý chính sách thông qua các chương trình, chính sách khuyến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước.

Từ khóa: Dân trí tài chính, lập kế hoạch tài chính, kiến thức tài chính, hành vi tài chính, nghỉ hưu.

1. Đặt vấn đề

Tùy theo bối cảnh từng quốc gia mà lập kế hoạch tài chính cho nghỉ hưu có những cách tiếp cận khác nhau. Với đa số các quốc gia có hệ thống an sinh xã hội tốt, việc lập kế hoạch hưu trí được đưa ra dưới góc độ hỗ trợ cho người dân và giảm áp lực với ngân sách nhà nước (Lusardi & Mitchell, 2017; Topa và cộng sự, 2018); hoặc đảm bảo an sinh xã hội trong dài hạn (Almenberg & Säve-Söderbergh, 2011; Garcia & Marques, 2017). Tuy nhiên, cách tiếp cận tại các nước có nền kinh tế đang phát triển hoặc đang chuyển đổi lại khác. Do tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội thấp hoặc không đủ tích lũy trong dài hạn (Morgan & Trinh, 2019) nên những người sau tuổi lao động khó đảm bảo cuộc sống, nhất là trong bối cảnh phải chịu áp lực từ phía gia đình hoặc hộ hàng (Anh và cộng sự, 2022). Vì vậy, nghiên cứu về lập kế hoạch tài chính trong bối cảnh mới đặt ra câu hỏi: Nếu tiếp cận trên góc độ tài chính cá nhân - tức dân trí tài chính hoặc hiểu

biết tài chính (financial literacy) - thì vấn đề này ra sao? Tức là, dân trí tài chính có tác động đến lập kế hoạch tài chính hay không?

Trở lại với vấn đề của nước đang phát triển như Việt Nam. Dân số Việt Nam đang già hóa với tốc độ nhanh chưa từng thấy (Tổng cục Thống kê, 2024). Cả nước có 11,4 triệu người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên, chiếm 11,86% tổng dân số, và chỉ số già hóa tăng từ 35,9% vào năm 2009 lên 48,8% vào năm 2019. Theo phương án trung bình, dự báo dân số từ 65 tuổi trở lên sẽ vượt 15% tổng dân số vào năm 2039. Dự báo đây là thời điểm chấm dứt thời kỳ cơ cấu dân số vàng đã xuất hiện và tồn tại ở Việt Nam từ năm 2007. Thời kỳ dân số già sẽ kéo dài trong 28 năm (giai đoạn 2026-2054), tương ứng với tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 10,2% đến 19,9%. Sau đó là thời kỳ cơ cấu dân số rất già (giai đoạn 2055-2069), tương ứng với tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 20% đến dưới 30%. Như vậy, vấn đề tài chính của các đối tượng trong độ tuổi này cũng sẽ có tác động không nhỏ đến nền

* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: anhkt@neu.edu.vn

<https://doi.org/10.57110/vnu-jeb.v4i5.315>

Bản quyền © 2024 (Các) tác giả

Bài báo này được xuất bản theo CC BY-NC 4.0 license.

kinh tế chung của Việt Nam. Với mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, ngoài việc đưa người lao động tham gia vào bảo hiểm xã hội thì việc tự lập kế hoạch tài chính cũng cần phải thúc đẩy (Le và cộng sự, 2021).

Như vậy, lập kế hoạch tài chính cho nghỉ hưu là một vấn đề cấp bách, đặc biệt trong bối cảnh dân số Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng. Khi dân số già hóa với tỷ lệ người cao tuổi ngày càng tăng, nhu cầu về sự tự chủ tài chính trong giai đoạn nghỉ hưu trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Do đó, nghiên cứu này nhằm làm rõ mối liên hệ giữa dân trí tài chính và hoạt động lập kế hoạch tài chính của nhóm đối tượng sắp nghỉ hưu tại Việt Nam, từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách thông qua các chương trình, chính sách khuyến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước.

2. Cơ sở lý luận và phát triển giả thuyết nghiên cứu

2.1. Khái quát về dân trí tài chính, lập kế hoạch tài chính và đối tượng sắp nghỉ hưu

2.1.1. Quan điểm về dân trí tài chính

Dân trí tài chính có những cách định nghĩa khác nhau theo những quan điểm khác nhau – ví dụ như đánh giá việc đầu tư (Hastings & Mitchell, 2020); hoặc ảnh hưởng đến từng nhóm đối tượng trong nền kinh tế ra sao (ví dụ như hộ gia đình, hoặc phân theo giới tính, hoặc phân theo độ tuổi) (Lusardi, 2019; Lusardi et al., 2020). Hầu hết các nghiên cứu đều cho rằng dân trí tài chính là quá trình học hỏi, phân tích các kiến thức về tài chính để áp dụng vào thực tiễn, làm tăng quá trình “giàu có” của cá nhân (OECD, 2022).

Dân trí tài chính gồm nhiều cấu phần khác nhau. Trong những nghiên cứu trước, dân trí tài chính thường gồm kiến thức tài chính, thái độ tài chính và hành vi tài chính (Anh & Vinh, 2022; Trang và cộng sự, 2024). Tuy nhiên, khi tiếp cận trên góc độ của người sắp nghỉ hưu, thường là đối tượng có nhiều trải nghiệm về tiền bạc, nên thái độ tài chính sẽ được bỏ qua. Do đó, nghiên cứu này cho rằng dân trí tài chính là những hiểu biết của các cá nhân nhằm xử lý những thông tin trên thị trường, từ đó đưa ra quyết định phù hợp với quá trình nghỉ hưu; nó gồm 2 khía cạnh là kiến thức tài chính và hành vi tài chính. Mặc dù OECD (2022) đề xuất thang đo dân trí tài chính có bao gồm thái độ tài chính, tuy nhiên, những

nghiên cứu gần đây lại tùy vào từng đối tượng để xác nhận xem có cần thiết đưa cấu phần này vào không (Lusardi, 2019; Lusardi và cộng sự, 2021).

Tại Việt Nam, dân trí tài chính được tiếp cận trên nhiều khía cạnh, ví dụ như chủ doanh nghiệp (Van & Tue, 2018), người nghèo (Anh và cộng sự, 2020)... Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu này - vì những khía cạnh khác nhau - chưa đưa ra đánh giá với đối tượng sắp nghỉ hưu.

2.1.2. Khái quát về lập kế hoạch tài chính của đối tượng sắp nghỉ hưu

Một cách thông thường, lập kế hoạch tài chính là việc chuẩn bị các nhu cầu tài chính theo mục tiêu của từng cá nhân hay hộ gia đình (Todd & Seay, 2020; Waliszewski & Warchlewska, 2020). Chính vì hướng đến mục tiêu “thỏa mãn các nhu cầu cá nhân”, Van Rooij và cộng sự (2012) cho rằng lập kế hoạch tài chính cá nhân là một quá trình có hệ thống nhằm xem xét các yếu tố quan trọng trong các vấn đề tài chính của một cá nhân để hoàn thành các mục tiêu tài chính của họ. Chúng tôi đồng thuận với các quan điểm trên khi nghiên cứu về lập kế hoạch tài chính cá nhân.

Không có định nghĩa cụ thể về những người sắp nghỉ hưu. Một số quan điểm về đối tượng này được đưa ra như: những người đã chuẩn bị sẵn tài chính để rời khỏi thị trường lao động trước khi đến tuổi nghỉ hưu (Bidewell và cộng sự, 2006), hoặc chủ động rời khỏi thị trường lao động (Hastings & Mitchell, 2020); hoặc sát tuổi nghỉ hưu - thường là trước 5 năm (Lusardi & Mitchell, 2017; Topa và cộng sự, 2018). Chúng tôi cho rằng những người sắp nghỉ hưu là những người trong độ tuổi lao động đã chuẩn bị sẵn tài chính cho thời gian nghỉ hưu hoặc những người còn khoảng 5 năm trước khi hết độ tuổi lao động.

Lập kế hoạch tài chính nghỉ hưu (dựa trên quan điểm về lập kế hoạch tài chính) bao gồm việc cân bằng hiệu quả các nhu cầu sau khoảng thời gian lao động của một người với các dòng thu nhập trong tương lai của người đó. Cách tiếp cận điển hình để lập kế hoạch tài chính cá nhân liên quan đến việc sử dụng hiệu quả các khoản thu nhập thụ động (điển hình là các khoản tiết kiệm hoặc mua trái phiếu) để phân bổ cho tương lai (Van Rooij và cộng sự, 2012). Việc lập kế hoạch như vậy phản ánh tình trạng hiện tại của các cá nhân và cách các cá nhân đó lập kế hoạch để phát triển dần dần và xây dựng năng lực của

họ trong việc quản lý các nhu cầu tài chính liên quan đến quản lý tín dụng và tiền mặt, lập kế hoạch thuế, bảo hiểm và quản lý rủi ro, đầu tư, cũng như lập kế hoạch hưu trí và bất động sản (Almenberg & Säve-Söderbergh, 2011; Bidewell và cộng sự, 2006). Do đó, lập kế hoạch tài chính cá nhân nghỉ hưu được coi là một quá trình liên tục, thay vì một nhiệm vụ hoặc sự kiện rời rạc.

2.2. Phát triển giả thuyết nghiên cứu

2.2.1. Kiến thức tài chính

Kiến thức tài chính là mức độ hiểu biết của chủ thể đối với các thuật ngữ trong tài chính (lãi suất, trái phiếu...) và phương thức hoạt động của các tổ chức tài chính để phục vụ cho những mục tiêu của mình (Trang và cộng sự, 2024; Lusardi và cộng sự, 2021) Như vậy, kiến thức tài chính là yếu tố tiền đề để hình thành hành vi tài chính của chủ thể. Lusardi và Mitchell (2011), Scheresberg (2013) hay Zandi và cộng sự (2021) khi nghiên cứu tại thị trường các nước có nền kinh tế phát triển (hoặc nhóm dân số có thu nhập cao) đều nhận thấy rằng kiến thức tài chính có tác động thuận chiều đến lập kế hoạch tài chính. Nguyên nhân của vấn đề này là những cá nhân khi có hiểu biết về thị trường tài chính (bao gồm các sản phẩm, công cụ của thị trường; cách thức vận hành của nền kinh tế) sẽ đưa ra những dự đoán phù hợp cho các tài sản thụ động (như tiết kiệm, trái phiếu hoặc các chứng chỉ quỹ). Do đó, họ sẽ chủ động lập kế hoạch tài chính dành cho nghỉ hưu. Ngoài ra, Grohmann và cộng sự (2018) đã chỉ ra sự hạn chế của kiến thức tài chính và sự thiếu hiểu biết về những chủ đề tài chính như lãi suất, lạm phát hay phân loại rủi ro dẫn đến việc thu nhập của nhóm cá nhân này không cao. Trường hợp này phổ biến tại các nước có nền kinh tế đang chuyển đổi, bởi nguồn thu nhập bị phân tán vào quá nhiều mục tiêu như mua nhà, chi trả chi phí sinh hoạt, dẫn đến việc tìm kiếm nguồn đầu tư hoặc tiết kiệm bị thấp (Niu và cộng sự, 2020). Điều này dẫn đến khả năng tìm hiểu các thông tin tài chính ít đi (vì không có tiền), và do đó, kiến thức tài chính bị hỏng, dẫn đến việc lập kế hoạch kém. Dựa vào lập luận đó, giả thuyết được đưa ra:

H1: Kiến thức tài chính có mối quan hệ thuận chiều đến lập kế hoạch tài chính của đối tượng sắp nghỉ hưu.

2.2.2. Hành vi tài chính

Hành vi tài chính là hành động của cá nhân đối với việc sử dụng tiền hoặc các tài sản tài chính để tạo ra sự thỏa mãn của chính mình hoặc những người có liên quan (Anh & Vinh, 2022; Lusardi và cộng sự, 2021). Hành vi tài chính thường bao gồm chi tiêu và đầu tư cũng như các hoạt động về từ thiện hay quyên góp. Do vậy, hành vi tài chính sẽ giúp các cá nhân hoặc hộ gia đình có những trải nghiệm và kinh nghiệm trong việc hình thành kế hoạch tài chính (Todd & Seay, 2020; Waliszewski & Warchlewska, 2020). Các trải nghiệm (kể cả thành công hay thất bại) này sẽ giúp những người sắp nghỉ hưu đưa ra được “đường hướng” phù hợp với các nhu cầu của cá nhân. Và như thế, việc lập kế hoạch sẽ được diễn ra - dưới cả hai góc độ: chủ động (dựa vào tài sản thụ động của mình để tạo ra nguồn thu nhập) hay bị động (dựa vào hưu trí của nhà nước) (Lusardi & Mitchell, 2007). Agarwal và cộng sự (2015) đưa ra một cách tiếp cận khác: số tiền dành cho nghỉ hưu bằng số tiền kiếm được trong quá khứ và dòng tiền trong tương lai (từ hưu trí) trừ đi số tiền phải chi tiêu. Do vậy, những hành vi trong quá khứ (tiết kiệm, chi tiêu) sẽ xác định họ có bao nhiêu tiền và dành tiền vào những công việc gì. Vì thế, giả thuyết nghiên cứu sau được đưa ra:

H2: Hành vi tài chính có tác động thuận chiều đến lập kế hoạch tài chính của đối tượng sắp nghỉ hưu.

2.2.3. Các yếu tố nhân khẩu học

Nhân khẩu học thường được nhắc đến trong các nghiên cứu về dân trí tài chính, bởi một lý do đơn giản: mỗi cá nhân khác nhau sẽ có xuất thân khác nhau, môi trường làm việc khác nhau, và chắc chắn họ sẽ có nhu cầu khác nhau về tài chính (Lusardi & Mitchell, 2007; Todd & Seay, 2020). Nghiên cứu này đánh giá một số yếu tố sau:

Tuổi

Lusardi và Tufano (2015) chỉ ra rằng những người lớn tuổi thường có sự nhầm lẫn khi tính toán các phép tính về lãi suất cơ bản, bởi lúc này họ đã có sự hỗ trợ từ những người khác. Góc nhìn tương tự cũng được đưa ra bởi Waliszewski và Warchlewska (2020). Các nghiên cứu ở nhóm nước đang phát triển cho thấy rằng những người chủ động lập kế hoạch tài thường từ sau 40 tuổi, hay những người phải lập kế hoạch vì sắp nghỉ hưu (đối với nhóm trên 50 tuổi) vì những áp lực

khác nhau đến từ gia đình hay người thân (Agarwal và cộng sự, 2015; Niu và cộng sự, 2020). Do đó, tuổi tác sẽ tác động đến lập kế hoạch tài chính cá nhân.

Giới tính

Nữ giới thường có dân trí tài chính thấp hơn nam giới, và do đó, họ không có những kế hoạch phù hợp cho việc nghỉ hưu (Lusardi & Mitchell, 2008). Nguyên nhân đến từ việc phụ nữ (tại các nước phát triển) thường lui về làm việc nhà, và vì thế, thu nhập phụ thuộc vào nam giới. Bên cạnh đó, những ảnh hưởng về mặt tiếp cận dịch vụ tài chính (tại các nước đang phát triển) thường hạn chế khả năng lập tài chính của nữ giới. Nguyên nhân của vấn đề này xuất phát từ việc quản lý tiền đến từ chủ gia đình (thường là nam giới), và vì thế, với những quyết định lớn, đàn ông sẽ chủ động hơn (Niu và cộng sự, 2020). Chúng tôi cho rằng có sự khác nhau về giới tính trong việc lập kế hoạch tài chính nghỉ hưu.

Trình độ học vấn

Nhiều nghiên cứu cho rằng người có học vấn cao sẽ lập kế hoạch tài chính tốt hơn (Lusardi và cộng sự, 2020; Morgan & Trinh, 2019). Cơ chế của vấn đề này thể hiện ở khía cạnh: người được học nhiều hơn sẽ biết nhiều hơn, và tất nhiên, sẽ tạo ra nhiều trải nghiệm hơn. Từ các kiến thức được tích lũy, họ sẽ có thái độ phù hợp với việc lập kế hoạch cho chính mình.

Tuy vậy, cũng có những nghiên cứu cho rằng người có học vấn thấp đôi khi sẽ có dân trí tài chính cao hơn, hoặc khả năng lập kế hoạch tài chính tốt hơn. Ví dụ, Anh và cộng sự (2022) khi nghiên cứu tại các vùng nghèo ở Việt Nam nhận thấy những người cao tuổi tuy có học vấn thấp, nhưng những trải nghiệm lại nhiều nên có kế hoạch tốt hơn hẳn so với những người trẻ hoặc trung niên. Do vậy, trình độ học vấn (được đo bằng bằng cấp) khác nhau sẽ tác động khác nhau đến lập kế hoạch tài chính nghỉ hưu.

Công việc

Những người làm việc trong lĩnh vực tài chính thường có khả năng lập kế hoạch tài chính tốt hơn nhóm còn lại (Agarwal và cộng sự, 2015; Todd & Seay, 2020). Lý do tương đối đơn giản: khi một cá nhân hiểu được cách thức các tổ chức tài chính vận hành thì họ sẽ sử dụng tốt hơn các công cụ đó (tức là cả thái độ và hành vi đều tốt hơn), từ đó dẫn đến việc lập kế hoạch nhanh và chuẩn xác hơn.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng cả phương pháp định lượng và định tính để giải quyết câu hỏi nghiên cứu được đưa ra tại phần 1. Nhóm tác giả sẽ trình bày phương pháp định lượng tại phần 4, do vậy, ở đây chỉ trình bày nghiên cứu định tính.

Nghiên cứu định tính được xác định bằng phỏng vấn sâu với 2 nhóm đối tượng: các chuyên gia về mặt lý thuyết và chuyên gia về mặt thực tiễn. Đối với các chuyên gia về mặt lý thuyết, nhóm tác giả lựa chọn 7 giảng viên nghiên cứu về lĩnh vực tài chính cá nhân và các lĩnh vực chung thuộc khối kiến thức tài chính - ngân hàng. Nội dung phỏng vấn sâu bao gồm các câu hỏi mở về các yếu tố nhân khẩu học có tác động như thế nào trong mối liên hệ giữa dân trí và việc lập kế hoạch tài chính nghỉ hưu tại Việt Nam; đánh giá đối tượng có phải là người lập kế hoạch tài chính nghỉ hưu hay không và ảnh hưởng của dân trí tài chính đến việc này như thế nào.

Đối với nhóm chuyên gia về mặt thực tiễn, nhóm tác giả phỏng vấn sâu 5 người làm việc tại các tổ chức tài chính có dịch vụ tài chính cá nhân và 5 người thuộc độ tuổi sắp nghỉ hưu. Không giống như chuyên gia về mặt lý thuyết, các câu hỏi của nhóm này chủ yếu xoay quanh vấn đề các yếu tố nhân khẩu học và những lý do mà họ lập kế hoạch tài chính. Nhóm tác giả lồng ghép các câu hỏi liên quan đến dân trí tài chính (gồm 3 câu phần là thái độ, kiến thức và hành vi) để người trả lời có thể đánh giá ảnh hưởng của nó đến lập kế hoạch tài chính của đối tượng sắp nghỉ hưu.

Kết quả nghiên cứu cho thấy thái độ tài chính của người sắp nghỉ hưu nên được loại bỏ khỏi nghiên cứu bởi khi đã sẵn sàng cho nghỉ hưu (đối với người chủ động) hoặc gần hết độ tuổi lao động (đối với người bị động) thì chỉ cần quan tâm đến hành vi tài chính. Thái độ tài chính khó có thể gây tác động do những suy nghĩ hay dự đoán phải được tiến hành thật nhanh trước khi có những thay đổi của thị trường. Các chuyên gia cũng giúp nhóm tác giả hiệu chỉnh bảng hỏi cho phù hợp với đối tượng nghiên cứu.

Sau nghiên cứu định tính, nhóm tác giả mô hình hóa bảng hỏi. Bộ chỉ số đo lường dân trí tài chính được tham khảo và phát triển từ bộ câu hỏi của OECD (2022). Bảng hỏi về dân trí tài chính gồm: kiến thức tài chính (lãi suất, lạm phát, thế chấp, rủi ro, trái phiếu, tài khoản ngân hàng, thanh toán, tiết kiệm và đầu tư, các khoản vay và

cho nợ, nghỉ hưu và lập kế hoạch) và hành vi tài chính (quản lý ngân quỹ, tiết kiệm chủ động, rủi ro chấp nhận...). Cấu trúc 2 mục của bảng hỏi bao gồm 16 biến quan sát theo thang đo Likert 5 mức độ (9 biến về kiến thức và 7 biến về hành vi) để đưa kết quả thống kê và mô hình.

Để có thể tiếp cận cá nhân, bảng hỏi có phần liên quan đến biến nhân khẩu học. Nhóm tác giả hỏi người trả lời về việc họ có ý định nghỉ hưu sớm hay không (đối với nhóm chủ động) hoặc độ tuổi bao nhiêu (đối với nhóm bị động) để từ đó xác định người sắp nghỉ hưu (nhóm bị động - dù có người chưa xác định nghỉ hưu vì chưa chuẩn bị đủ tài chính hoặc chưa muốn nghỉ, nhưng vẫn được xác định dựa trên độ tuổi quy định của Nhà nước). Bảng hỏi được phát trực tiếp thông qua các công ty nghiên cứu thị trường và có trả phí cho người được trả lời. Nhóm tác giả nhận được 1.060 phiếu trả lời, sau đó tiến hành làm sạch và thu được 1.012 phiếu hợp lệ. Kết quả được nhập lên Excel 2016, xử lý bằng SPSS 26 và AMOS 25.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Bảng 1: Thống kê mẫu nghiên cứu

	Đặc điểm	Tỷ lệ (%)
Giới tính (về mặt sinh học)	Nam	49
	Nữ	51
Độ tuổi	Dưới 40 tuổi	23
	Từ 41-50 tuổi	31
	Từ 51-60 tuổi	33
	Trên 60 tuổi	13
Trình độ học vấn	Đến trung học phổ thông hoặc trung cấp	34
	Cử nhân hoặc kỹ sư	58
	Sau đại học	8
Công việc	Liên quan đến tài chính	23
	Không liên quan đến tài chính	77

Nguồn: Nhóm tác giả.

Về giới tính được thể hiện tại Bảng 1, nhóm tác giả cố gắng bám vào kết quả của điều tra dân số, nhà ở của Tổng cục Thống kê và đảm bảo cân bằng được theo dữ liệu chung. Với 49% người trả lời là nam giới, số lượng người trả lời có thể suy rộng ra tổng thể (về mặt giới tính sinh học).

Đối với nhóm độ tuổi, nhóm tác giả nhận thấy rằng một lượng không nhỏ người được trả

lời có xu hướng nghỉ hưu sớm (từ 40 tuổi trở xuống). Đây là nhóm Millennials (thế hệ Y), được sinh khoảng từ năm 1986 trở về sau – tức là sau Đổi mới. Nhóm này nhận được sự giáo dục và chăm sóc tốt hơn, cũng như có nhiều cơ hội về học tập và trải nghiệm hơn hẳn các nhóm trước nên có khả năng độc lập tài chính sớm. Nhóm tuổi chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là nhóm từ 41-50 và nhóm 51-60 vì đây là giai đoạn người được phỏng vấn đã có thu nhập ổn định hoặc chuẩn bị về hưu (kể cả họ có chủ động hay bị động trong lập kế hoạch tài chính). Nhóm còn lại chiếm tỷ trọng không cao, và hầu hết là đàn ông.

Về trình độ học vấn, hơn nửa trong tổng số quan sát (58%) thuộc về nhóm cử nhân đại học/cao đẳng. Trong đó, một số lượng nhỏ số quan sát đạt trình độ thạc sĩ/tiến sĩ chiếm 8%. Số còn lại (34%) thuộc các đối tượng đã đạt trình độ trung học phổ thông hoặc trung cấp trở xuống. Có thể thấy rằng nhóm có trình độ học vấn ở mức trung bình - cao có hứng thú cao nhất với chủ đề về tài chính. Câu hỏi mục tiêu nhằm thống kê xem có bao nhiêu phần trăm tỷ lệ những người được hỏi có kiến thức chuyên sâu về tài chính. Trong số các câu trả lời, có 23% câu trả lời là có.

4.2. Kết quả mô hình

Bảng 2: Hệ số KMO và kiểm định Bartlett's

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,802
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	8681,299
	df	230
	Sig.	,000

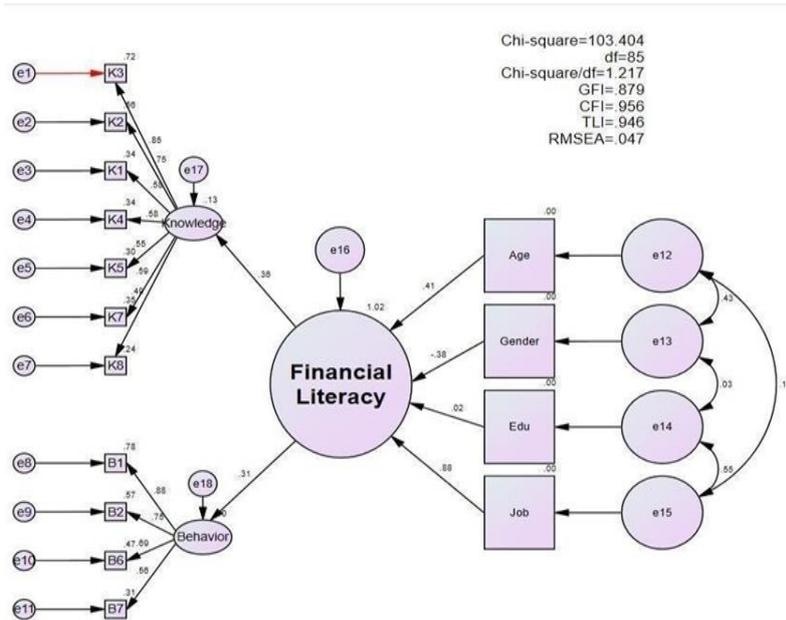
Nguồn: Kết quả từ SPSS 26.

Nhóm tác giả sử dụng PLS-SEM để xử lý mô hình. Do vậy, bước đầu tiên tiến hành chạy Cronbach's Alpha để phân tích nhân tố khám phá, sau đó tiến hành chạy mô hình để phân tích nhân tố khẳng định. Kết quả phân tích nhân tố theo mô hình nghiên cứu có trị số KMO theo kết quả của mô hình đạt được là 0,802 chứng tỏ phân tích nhân tố là phù hợp với tập dữ liệu nghiên cứu (Bảng 2). Kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (sig = 0,000 < 0,05), chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong nhân tố.

Đối với kiểm định phương sai trích của các yếu tố: Giá trị Eigenvalue sau khi loại các biến không đạt chuẩn là 2,357 > 1. Tổng phương sai trích của các nhân tố là 67,709% > 50% cho thấy

mô hình EFA là phù hợp và các nhân tố đảm bảo khả năng đại diện cho dữ liệu khảo sát ban đầu. Sau đó, nhóm tác giả xử lý mô hình cấu trúc tuyến tính để đánh giá ảnh hưởng của kiến thức tài chính (được ký hiệu là Knowledge trong Hình 1), hành vi tài chính (ký hiệu Behavior) đến lập kế hoạch tài chính cá nhân của đối tượng sắp nghỉ hưu (ký hiệu Financial literacy), trên cơ sở ảnh hưởng của các biến nhân khẩu học gồm độ

tuổi (age), giới tính (gender), trình độ học vấn (edu) và công việc (job). Mức ảnh hưởng của trình độ học vấn và tuổi tác lần lượt là -0,02 và 0,41. Các chỉ tiêu đo lường mức độ phù hợp, Chi-square/df = 1,217 < 3, GFI, CFI, TLI ở mức chấp nhận được, RMSEA = 0,047 < 0,08. Do đó, mô hình phù hợp với thị trường. Cả kiến thức tài chính và hành vi tài chính đều có tác động thuận chiều đến lập kế hoạch tài chính.



Hình 1: Kết quả mô hình cấu trúc tuyến tính

Nguồn: Kết quả tính từ SPSS 26 và AMOS 25.

Bảng 3: Kết quả phân tích tác động của nhân khẩu học đến lập kế hoạch tài chính

Mẫu	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số Beta chuẩn hóa	t	Sig	VIF
	Beta	Độ lệch chuẩn				
C	1,798	,185		9,707	,000	
Tuổi	,125	,054	,203	2,320	,023	,815
Giới tính	,195	,134	,120	1,450	,151	,907
Trình độ học vấn	,226	,055	,373	4,134	,000	,768
Công việc	,422	,132	,263	3,184	,002	,919

Nguồn: Kết quả tính từ SPSS 26.

Nhóm tác giả tiếp tục đánh giá các yếu tố nhân khẩu học đến lập kế hoạch tài chính cá nhân khi nghỉ hưu tại Bảng 3.

Giá trị Sig của các biến tuổi, công việc, trình độ học vấn đều nhỏ hơn 0,05 nên có thể cho rằng các biến đều có ý nghĩa, ngoại trừ biến giới tính có Sig = 0,151 > 0,05 nên không có ý nghĩa với mô hình. Giá trị VIF của các biến đều nhỏ hơn 1 nên không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Do

đó, các biến tuổi, trình độ học vấn và công việc có tác động cùng chiều đến lập kế hoạch tài chính.

5. Thảo luận kết quả mô hình và hàm ý chính sách

Dân trí tài chính trong nghiên cứu này gồm kiến thức tài chính và hành vi tài chính, đều tác

động thuận chiều đến lập kế hoạch tài chính của đối tượng sắp nghỉ hưu. Các nghiên cứu đi trước (Agarwal và cộng sự, 2015; Lusardi & Mitchell, 2008; Todd & Seay, 2020; Van Rooij và cộng sự, 2012; Waliszewski & Warchlewska, 2020) đều đưa ra những kết luận tương tự. Điều này cho thấy, mặc dù là một nền kinh tế mới nổi nhưng Việt Nam đã có một lượng nhân lực tương đối tốt để chuẩn bị cho kế hoạch nghỉ hưu sớm, hoặc chủ động tìm hiểu cho nghỉ hưu. Do đó, nghiên cứu đề xuất Chính phủ cần phát triển các chương trình và chính sách thông qua tài chính toàn diện. Thứ nhất, cần tập trung vào việc giáo dục các phương pháp nhận biết ảnh hưởng của quyết định tài chính và thông tin tài chính đối với hành vi tài chính tương lai, đặc biệt là thông qua các hoạt động trải nghiệm giúp kiến thức dễ dàng được hình dung và áp dụng vào thực tế. Đối tượng mục tiêu ban đầu của các chương trình này bao gồm những đối tượng trong các độ tuổi cụ thể, với mục đích không chỉ truyền đạt kiến thức về tài chính và giáo dục tài chính mà còn hướng dẫn thái độ và hành vi quản lý tài chính cá nhân hiệu quả trong tương lai. Thứ hai, Chính phủ nên tổ chức các chương trình tập huấn nhằm phát triển nguồn nhân lực, tiếp cận phương pháp phân chia theo địa phương do sự khác biệt về trình độ dân trí giữa các vùng. Mỗi tỉnh và địa phương cần thiết kế khung chương trình đào tạo phù hợp với đặc thù riêng, nhằm đạt được hiệu quả cao trong việc cải thiện trình độ dân trí về tài chính.

Đối với các yếu tố nhân khẩu học, giới tính không có tác động đến lập kế hoạch tài chính nghỉ hưu, và khác biệt tương đối lớn với nghiên cứu của Niu và cộng sự (2020). Việc này cho thấy rằng Chính phủ Việt Nam đã có nhiều biện pháp để bình đẳng giới – nhất là trong tiếp cận dịch vụ tài chính. Các khía cạnh khác về nhân khẩu học cơ bản đồng thuận với các nghiên cứu đi trước cả ở trong và ngoài nước. Điều này cho thấy rằng, việc giáo dục tài chính sớm hoặc tiếp cận dịch vụ tài chính thông qua các tổ chức tín dụng hay công ty công nghệ tài chính sẽ giúp các cá nhân lập kế hoạch tài chính tốt hơn (Trang và cộng sự, 2024).

Nghiên cứu thừa nhận có một số hạn chế như sau: Thứ nhất, nghiên cứu chỉ đánh giá ảnh hưởng của dân trí tài chính (gồm kiến thức và hành vi tài chính) đến lập kế hoạch tài chính cá nhân. Trong khi đó, một số yếu tố khác như giáo dục tài chính hay sức khỏe tài chính cũng cần được cân nhắc. Thứ hai, các yếu tố nhân khẩu

học như khu vực sinh sống, số người phụ thuộc hoặc tôn giáo cũng được chứng minh là có ảnh hưởng đến lập kế hoạch tài chính. Nhóm tác giả cũng nhận thấy có những đối tượng đến tuổi nghỉ hưu nhưng vẫn muốn tiếp tục công việc. Họ có thể không thuộc đối tượng sắp nghỉ hưu và cần được nghiên cứu trong những khía cạnh tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- Agarwal, S., Amromin, G., Ben-David, I., Chomsisengphet, S., & Evanoff, D. D. (2015). Financial literacy and financial planning: Evidence from India. *Journal of Housing Economics*, 27, 4-21. <https://doi.org/10.1016/j.jhe.2015.02.003>
- Almenberg, J., & Säve-Söderbergh, J. (2011). Financial literacy and retirement planning in Sweden. *Journal of Pension Economics Finance*, 10(4), 585-598. <https://doi.org/10.1017/S1474747211000497>
- Anh, K. T., & Vinh, T. T. (2022). Impact of Financial Literacy on Vietnamese Students' Spending Management. *VNU Journal of Economics and Business*, 2(2), 95-102. <https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4880>
- Bidewell, J., Griffin, B., & Hesketh, B. (2006). Timing of retirement: Including a delay discounting perspective in retirement models. *Journal of Vocational Behavior*, 68(2), 368-387. <https://doi.org/10.1016/J.JVB.2005.06.002>
- Van, D. T. T., & Tue, N. D. (2018). *Personal Financial Management and Entrepreneurship*. Science and Technology Publishing House.
- Garcia, M. T. M., & Marques, P. D. C. V. (2017). Ownership of individual retirement accounts—an empirical analysis based on SHARE. *International review of applied economics*, 31(1), 69-82. <https://doi.org/10.1080/02692171.2016.1221389>
- Grohmann, A., Klihs, T., & Menkhoff, L. (2018). Does financial literacy improve financial inclusion? Cross country evidence. *World Development*, 111, 84-96. <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2018.06.020>
- Trang, L., T. H., Anh, K. T., Duong, N. D., Cuong, P. K. Q., & Linh, L., D. (2024). Non-traditional banking services and personal financial well-being: Empirical evidence in Vietnam. *Journal of Economics and Development*, (320), 22-32. <https://doi.org/10.33301/JED.VI.1589>
- Hastings, J., & Mitchell, O. S. (2020). How financial literacy and impatience shape retirement wealth and investment behaviors. *Journal of Pension Economics Finance*, 19(1), 1-20. <https://doi.org/10.1017/S1474747218000227>
- Anh, K. T., Linh, D. H., & Lien, P. B. (2022). Factors influencing financial literacy of the poor in rural areas: Empirical research with the case of Vietnam.

- Journal of Eastern European and Central Asian Research (JEECAR)*, 9(4), 638-650.
<https://doi.org/10.15549/jeecar.v9i4.735>
- Anh, K. T., Lien, P. B., & Trung, B. K. (2020). Factors affecting financial literacy of the rural poor in Vietnam. *Journal of Economics and Development* 272, 42-51.
- Le, D. D., Leon-Gonzalez, R., Giang, T. L., & Nguyen, A. T. (2021). Socio-economic-related health inequality in non-communicable diseases among older people in Viet Nam. *Ageing & Society*, 41(6), 1421-1448.
<https://doi.org/10.1017/S0144686X19001843>
- Lusardi, A. (2019). Financial literacy and the need for financial education: Evidence and implications. *Swiss Journal of Economics Statistics*, 155(1), 1-8.
<https://doi.org/10.1186/s41937-019-0027-5>
- Lusardi, A., Hasler, A., & Yakoboski, P. J. (2021). Building up financial literacy and financial resilience. *Mind & Society*, 20(2), 181 - 187.
<https://doi.org/10.1007/s11299-020-00246-0>
- Lusardi, A., Michaud, P. C., & Mitchell, O. S. (2020). Assessing the impact of financial education programs: A quantitative model. *Economics of Education Review*, 78, 1-13.
<https://doi.org/10.1016/j.econedurev.2019.05.006>
- Lusardi, A., & Mitchell, O. (2011). Financial literacy and retirement planning in the United States. *Journal of Pension Economics Finance*, 10(4), 509-525.
<https://doi.org/10.1017/S147474721100045X>
- Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2007). Baby boomer retirement security: The roles of planning, financial literacy, and housing wealth. *Journal of Monetary Economics*, 54(1), 205-224.
<https://doi.org/10.1016/j.jmoneco.2006.12.001>
- Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2008). Planning and financial literacy: How do women fare? *American Economic Review*, 98(2), 413-417.
<https://doi.org/10.1257/aer.98.2.413>
- Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2017). How ordinary consumers make complex economic decisions: Financial literacy and retirement readiness. *Quarterly Journal of Finance*, 7(03), 1750008-1750001 - 1750008-1750031.
<https://doi.org/10.1142/S2010139217500082>
- Lusardi, A., & Tufano, P. (2015). Debt literacy, financial experiences, and overindebtedness. *Journal of Pension Economics Finance*, 14(4), 332-368.
<https://doi.org/10.1017/S1474747215000232>
- Morgan, P. J., & Trinh, L. Q. (2019). Determinants and impacts of financial literacy in Cambodia and Viet Nam. *Journal of Risk and Financial Management*, 12(1), 19. <https://doi.org/10.3390/jrfm12010019>
- Niu, G., Zhou, Y., & Gan, H. (2020). Financial literacy and retirement preparation in China. *Pacific-Basin Finance Journal*, 59, 101262.
<https://doi.org/10.1016/j.pacfin.2020.101262>
- OECD (2022). *OECD/INFE Toolkit for Measuring Financial Literacy and Financial Inclusion*. OECD Publishing.
- Scheresberg, C. B. (2013). Financial literacy and financial behavior among young adults: Evidence and implications. *Numeracy*, 6(2), 1-21.
<https://doi.org/http://dx.doi.org/10.5038/1936-4660.6.2.5>
- Todd, T. M., & Seay, M. C. (2020). Financial attributes, financial behaviors, financial-advisor-use beliefs, and investing characteristics associated with having used a robo-advisor. *Financial Planning Review*, 3(3), e1104. <https://doi.org/10.1002/cfp2.1104>
- General Statistics Office (2024). *Statistical Yearbook 2023*. Statistics Publishing House.
- Topa, G., Depolo, M., & Alcover, C.-M. (2018). Early retirement: a meta-analysis of its antecedent and subsequent correlates. *Frontiers in Psychology*, 8, 1-24. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2017.02157>
- Van Rooij, M. C., Lusardi, A., & Alessie, R. J. (2012). Financial literacy, retirement planning and household wealth. *The Economic Journal*, 122(560), 449-478. <https://doi.org/10.1111/j.1468-0297.2012.02501.x>
- Waliszewski, K., & Warchlewska, A. (2020). Attitudes towards artificial intelligence in the area of personal financial planning: a case study of selected countries. *Entrepreneurship and Sustainability Issues*, 8(2), 399 - 420.
[https://doi.org/10.9770/jesi.2020.8.2\(24\)](https://doi.org/10.9770/jesi.2020.8.2(24))
- Zandi, G., Torabi, R., Yu, O. T., Sivalingam, A. D., & Khong, T. T. (2021). Factors Affecting The Intention of Generation Y in Malaysia to Invest for Retirement. *Advances in Mathematics: Scientific Journal*, 10, 1485-1507.
<https://doi.org/10.37418/AMSJ.10.3.36>